

## TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN TẠI CỘNG HÒA PHÁP<sup>1</sup>



Trách nhiệm của công chứng viên xuất phát từ những nghĩa vụ của công chứng viên đối với khách hàng. Công chứng viên có ba nghĩa vụ cơ bản sau đây : Thứ nhất, công chứng viên phải thiết lập một văn bản đúng với quy định của pháp luật cả về hình thức cũng như về nội dung. Văn bản này là chứng cứ thuyết phục nhất về các thỏa

thuận mà công chứng viên là người ghi nhận. Như vậy, công chứng viên phải giúp các bên đạt đến kết quả pháp lý mà họ mong đợi từ văn bản với chi phí thấp nhất và trong những điều kiện tốt nhất. Thứ hai, công chứng viên phải tư vấn cho các bên về cách thức thực hiện thỏa thuận, tạo điều kiện để bảo vệ lợi ích chính đáng của họ. Thứ ba, công chứng viên phải đảm bảo hiệu lực hoàn toàn của thỏa thuận giữa các bên. Nghĩa vụ này bao gồm 2 nội dung : thực hiện các thủ tục mà pháp luật quy định đối với văn bản, đảm bảo việc bảo vệ lợi ích của các bên cho đến khi văn bản thực sự có hiệu lực.

Nếu công chứng viên không thực hiện tốt ba nghĩa vụ nêu trên thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Công chứng viên có thể phải chịu trách nhiệm hình sự, bị kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm dân sự.

### I. Trách nhiệm hình sự của công chứng viên

---

#### <sup>1</sup> **Chuyên gia tham gia đào tạo:**

1. Ông Jean-Paul DECORPS, Chủ tịch danh dự Hội đồng Công chứng tối cao (Pháp), Chủ tịch Liên minh Công chứng Latinh quốc tế.
2. Ông Olivier GOUSSARD, Công chứng viên, Hội đồng Công chứng tối cao.
3. Ông Jack HOECKEL, Giám đốc kỹ thuật Hội đồng Công chứng tối cao.
4. Ông Phan Bá Pháp, Giám đốc Công ty CMT.

Hình ảnh sử dụng trên trang [etudedouliazal.com](http://etudedouliazal.com) (Civillawinfor)

Công chứng viên trước hết có thể phải chịu trách nhiệm hình sự với tư cách là một công dân Pháp. Cũng như mọi công dân khác, công chứng viên phải chịu trách nhiệm trước xã hội về những hành vi của mình. Nếu phạm tội, công chứng viên bị truy tố trách nhiệm hình sự như mọi người khác.

Tuy nhiên, trách nhiệm hình sự của công chứng viên phải tuân thủ theo các nguyên tắc đặc biệt. Bộ luật hình sự Pháp dành khá nhiều điều khoản để quy định về các loại hình phạt được áp dụng riêng đối với công chứng viên trong quá trình công chứng viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Các chế tài này thường nặng hơn so với hình phạt đối với công dân bình thường. Như vậy, tòa án có thẩm quyền xét xử công chứng viên cũng có thứ bậc cao hơn.

Ví dụ như trong trường hợp công chứng viên có hành vi làm giả hoặc làm sai lệch nội dung văn bản thì có thể bị phạt tù đến 15 năm kèm theo phạt tiền đến 225.000 euro. Trong khi đó nếu một người không phải là công chứng viên mà phạm vào tội này thì chỉ bị phạt tù đến 10 năm kèm theo phạt tiền đến 150.000 euro.

Việc làm giả văn bản có thể là giả về mặt hình thức dưới ba dạng chủ yếu là : giả chữ ký; sửa chữa văn bản, chữ viết hoặc chữ ký ; viết thêm chữ vào văn bản. Ngoài ra còn có hình thức làm giả khác là thay thế chủ thể của văn bản, tức là chủ động thay tên của một người khác vào tên của một trong các bên trong văn bản.

Việc làm giả văn bản cũng có thể là giả về mặt nội dung, tức là cố tình sửa đổi nội dung hoặc điều kiện hình thành văn bản. Đây là trường hợp công chứng viên lập thành văn bản các thỏa thuận không giống với thỏa thuận giữa các bên. Ví dụ: lập thành văn bản chuyển nhượng tài sản trong khi các bên chỉ thỏa thuận thế chấp tài sản. Việc lược bỏ từ ngữ cũng có thể bị coi là hành vi làm giả văn bản nếu như việc lược bỏ đó làm thay đổi tính chất của văn bản.

Pháp luật hình sự quy định những chế tài rất nghiêm khắc đối với công chứng viên. Sở dĩ như vậy là vì công chứng viên làm việc với tư cách như một nhân viên tư pháp và vì công chứng viên là người đảm bảo các yêu cầu an toàn cho các giao dịch.

## **II. Trách nhiệm tôn trọng kỷ luật của công chứng viên**

Công chứng viên chịu sự giám sát liên tục từ phía công tố viên và từ phía các Hội đồng công chứng viên cấp tỉnh. Mọi khiếu nại, tố cáo của khách hàng đối với công chứng viên đều được các phòng ban của Hội đồng theo dõi, xử lý. Nguyên tắc này được áp dụng ngay cả trong trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo được gửi cho công tố viên. Khi có khiếu nại, tố cáo, công chứng viên phải giải thích sự việc theo yêu cầu của chủ tịch Hội đồng trong thời hạn 15 ngày.

Trách nhiệm tôn trọng kỷ luật của công chứng viên được quy định rõ tại Pháp lệnh ngày 28 tháng 6 năm 1945: Nhân viên công quyền nếu có hành vi trái pháp luật, trái quy tắc nghề nghiệp, không trung thực hoặc làm tổn hại đến danh dự nghề nghiệp thì phải bị áp dụng chế tài kỷ luật, kể cả trường hợp vi phạm đó được thực hiện ngoài khuôn khổ nghề nghiệp.

Quy định trên đây cho thấy có sự khác biệt giữa trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hình sự.

Chúng ta cần phân biệt lỗi kỷ luật của công chứng viên với việc công chứng viên không hoàn thành nghĩa vụ nghề nghiệp của mình. Công chứng viên phải chịu trách nhiệm dân sự vì bất cứ sai phạm nào, nếu sai phạm đó gây thiệt hại cho người khác. Tuy nhiên, công chứng viên không bị áp dụng chế tài kỷ luật chỉ vì có thiếu sót hoặc nhầm lẫn trong công việc, trừ trường hợp thiếu sót hoặc nhầm lẫn đó lặp đi lặp lại và thể hiện rõ công chứng viên không có khả năng hành nghề.

Ngoài ra cũng cần phân biệt biện pháp truy cứu trách nhiệm hình sự với biện pháp kỷ luật. Trong lĩnh vực hình sự, tội phạm cũng như chế tài áp dụng đối với tội phạm đó cần phải được quy định rõ trong một văn bản quy phạm pháp luật. Ngược lại, biện pháp kỷ luật được áp dụng đối với các hành vi xâm phạm đến những nguyên tắc, quy tắc không do pháp luật xác định và quy định chế tài. Tòa tư pháp tối cao đã có ý kiến về vấn đề này như sau : pháp luật đã không xác định rõ những hành vi nào của công chứng viên thì có thể bị áp dụng chế tài kỷ luật. Về vấn đề này, các biện pháp trấn áp có thể được thực hiện không chỉ đối với các hành vi vi phạm quy định của một văn bản quy phạm pháp luật cụ thể mà còn được áp dụng đối với tất cả mọi hành vi đi ngược lại phẩm cách và tính

đứng dẫn nghề nghiệp. Các cơ quan quản lý công chứng viên và các tòa án kỷ luật có toàn quyền đánh giá hành vi của công chứng viên để áp dụng biện pháp chế tài phù hợp.

Bên cạnh đó, biện pháp kỷ luật độc lập với việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Có những hành vi không cấu thành tội phạm hình sự nhưng có thể bị áp dụng biện pháp kỷ luật. Một công chứng viên bị truy cứu trách nhiệm hình sự có thể vẫn bị kỷ luật.

Nhiều văn bản có thể được viện dẫn để xác định hành vi đi ngược lại nghĩa vụ của công chứng viên. Các văn bản này quy định cụ thể các loại chế tài kỷ luật và khuôn khổ kỷ luật của các tổ chức nghề nghiệp. A. Các chế tài kỷ luật.

Chế tài kỷ luật không phải là loại chế tài duy nhất có thể được áp dụng. Theo quy định trong ngành thì chủ tịch hội đồng công chứng viên cấp tỉnh cũng có quyền cảnh cáo công chứng viên. Công chứng viên bị cảnh cáo khi có những hành vi ứng xử không phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ của ngành. Hình thức cảnh cáo nhẹ hơn các chế tài kỷ luật và thông thường có tác dụng dẫn dắt, làm cho công chứng viên cư xử đúng mực hơn.

### **III. Các chế tài kỷ luật**

Chế tài kỷ luật bao gồm : nhắc nhở, khiển trách thông thường, khiển trách trước hội đồng công chứng viên, cấm tái phạm, cấm hành nghề tạm thời và bãi miễn.

Hội đồng công chứng viên cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền sử dụng ba loại chế tài đầu tiên trong loạt chế tài nêu trên. Chỉ Tòa án kỷ luật mới có quyền tuyên các chế tài nặng nhất.

#### **Hệ quả của các chế tài kỷ luật**

Biện pháp nhắc nhở và khiển trách thông thường là những loại chế tài tinh thần, được thực hiện thông qua bản thân việc tuyên bố chúng. Những hình thức kỷ luật này được ghi vào hồ sơ của công chứng viên có sai phạm.

Trong trường hợp hình thức khiển trách trước hội đồng, công chứng viên có sai phạm bị triệu tập ra trước hội đồng công chứng viên cấp tỉnh và bị Chủ tịch hội đồng trực tiếp khiển trách.

Công chứng viên bị cấm hành nghề tạm thời không được phép thực hiện bất kỳ hoạt động nghề nghiệp nào cho phòng công chứng của mình trong thời hạn bị kỷ luật. Tòa án sẽ chỉ định một người thay thế công chứng viên bị kỷ luật, người thay thế có quyền hưởng thù lao. Trong trường hợp công chứng viên bị cấm hành nghề tạm thời là một công chứng viên làm việc với tư cách cộng tác viên-cổ đông của phòng công chứng thì không cần thiết phải chỉ định người thay thế. Các cộng tác viên khác sẽ đảm nhận thay công việc của công chứng viên bị kỷ luật.

Bãi miễn là hình thức tước bỏ chức danh công chứng viên. Hình thức kỷ luật này có hệ quả giống như hình thức cấm hành nghề tạm thời, chỉ khác ở chỗ hệ quả đó là vĩnh viễn.

Nếu công chứng viên có phòng công chứng riêng mà bị bãi miễn thì sẽ không được quyền giới thiệu người khác thay thế mình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc chọn công chứng viên thay thế do đó sẽ không được thực hiện thông qua con đường giới thiệu mà thông qua hình thức chọn công khai.

Trong trường hợp công chứng viên bị bãi miễn làm việc với tư cách là cộng tác viên-cổ đông của phòng công chứng thì phải chuyển nhượng lại phần vốn của mình trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày tuyên bố biện pháp kỷ luật.

Các hình thức kỷ luật như nhắc nhở, khiển trách thông thường hoặc khiển trách trước hội đồng và cấm tái phạm có thể kèm theo hình phạt bổ sung: mất quyền ứng cử vào các tổ chức nghề nghiệp trong thời hạn 10 năm hoặc lâu hơn.

Nếu bị cấm hành nghề tạm thời hoặc bị bãi miễn thì công chứng viên vĩnh viễn mất quyền ứng cử vào các tổ chức nghề nghiệp.

Ngoài ra, những công chứng viên bị bãi miễn sẽ không được phép làm việc ở bất kỳ phòng công chứng nào.

Các hình thức chế tài kỷ luật đôi khi cũng kèm theo việc công chứng viên bị buộc đền bù thiệt hại với điều kiện là nạn nhân của những sai phạm từ phía công chứng viên phải có đơn yêu cầu.

### **Tạm đình chỉ hoạt động**

Tạm đình chỉ hoạt động là một biện pháp ngăn ngừa.

Thông thường, biện pháp này được áp dụng kèm với các hình thức chế tài kỷ luật. Biện pháp tạm đình chỉ hoạt động được đưa ra theo yêu cầu của Viện trưởng viện công tố bên cạnh tòa sơ thẩm hoặc của Chủ tịch hội đồng công chứng viên cấp tỉnh. Việc quyết định biện pháp tạm đình chỉ thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm phán Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng.

Tuy nhiên, trong trường hợp kết quả thanh tra cho thấy rõ ràng rằng các khoản tiền mà khách hàng gửi công chứng viên có nguy cơ bị tổn thất hoặc gặp rủi ro thì thẩm phán xét xử cấp thẩm có thể tuyên bố biện pháp tạm đình chỉ hoạt động đối với công chứng viên trước khi xem xét tới các biện pháp kỷ luật hoặc khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự.

Công chứng viên nào bị tạm đình chỉ hoạt động thì không được quyền tham gia quản lý văn phòng công chứng, nhưng có quyền hưởng một nửa số thu nhập của phòng.

Biện pháp tạm đình chỉ hoạt động chấm dứt ngay sau khi kết thúc thủ tục kỷ luật hoặc thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu như không có thủ tục kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự thì biện pháp tạm đình chỉ tự chấm dứt trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày được công bố.

Biện pháp tạm đình chỉ hoạt động gần giống với biện pháp cấm hành nghề tạm thời được quy định trong Bộ luật chung về thuế. Văn bản này được áp dụng đối với tất cả những người hành nghề tự do bị truy cứu vì gian lận về thuế, che giấu một phần thu nhập bị đánh thuế hoặc có hành vi trốn thuế.

Biện pháp cấm hành nghề tạm thời có hiệu lực gần giống với biện pháp tạm đình chỉ hoạt động và cũng thuộc thẩm quyền quyết định của tòa án.

## **Trợ quản**

Biện pháp trợ quản được áp dụng trong trường hợp qua tranh tra, kiểm tra phát hiện thấy công chứng viên có những sao nhãng, bất cẩn hoặc có hành vi gây nguy cơ xấu cho ngành.

Thực hiện biện pháp trợ quản : Hội đồng quản trị của Quỹ bảo đảm cấp vùng chỉ định một trợ quản viên. Trợ quản viên thông thường là một công chứng viên có kinh nghiệm. Trợ quản viên sẽ cho ý kiến, lời khuyên đối với công chứng viên và giám sát mọi mặt hoạt động của công chứng viên. Trợ quản viên cũng sẽ yêu cầu công chứng viên áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn cho khách hàng và cho các khoản tiền được trao cho công chứng viên giữ.

## **Bãi nhiệm mặc nhiên**

Bãi nhiệm mặc nhiên là một biện pháp bảo đảm an toàn. Đây không phải là một biện pháp kỷ luật theo đúng nghĩa của từ này. Tuy nhiên, biện pháp bãi nhiệm mặc nhiên cũng có những hệ quả tương tự như biện pháp kỷ luật nặng nhất, tức là biện pháp bãi miễn.

Biện pháp bãi nhiệm mặc nhiên được áp dụng trong hai trường hợp.

Trường hợp thứ nhất là khi công chứng viên không tuyên thệ trong thời hạn 1 tháng kể từ khi được bổ nhiệm. Trường hợp này hiếm khi xảy ra.

Trường hợp thứ hai là trường hợp công chứng viên không có năng lực chuyên môn hoặc gặp trở ngại trong quá trình hành nghề. Công chứng viên có thể bị mặc nhiên bãi nhiệm nếu không thực hiện được một cách bình thường các chức năng, nhiệm vụ của mình do ở xa nơi làm việc, do không đủ sức khỏe v.v...Biện pháp này cũng được áp dụng nếu công chứng viên thường xuyên không hoàn thành được các nghĩa vụ nghề nghiệp và thể hiện năng lực yếu kém của mình. Trong tất cả các trường hợp trên, pháp luật đã quy định cơ chế nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của đương sự. Công chứng viên có quyền giải thích, trình bày quan điểm của mình. Ngoài ra, tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng phải chứng minh được sự cản trở đối với hoạt động nghề nghiệp của công chứng viên hoặc tình trạng năng lực yếu kém của công chứng viên.

Trước đây, tòa án tỏ ra ngần ngại trong việc đánh giá mức độ cản trở hoặc tình trạng kém năng lực của công chứng viên. Đây là điều đáng tiếc. Thật vậy, nhiều khi do không bị bãi nhiệm kịp thời nên sau đó công chứng viên đã phải chịu những biện pháp kỷ luật thực sự. Nhưng án lệ đã có thay đổi : ngày nay, tòa án chấp nhận dễ dàng hơn biện pháp bãi nhiệm vì có cản trở trong công việc hoặc vì lý do năng lực kém.

### **Các trường hợp đặc biệt**

Các công chứng viên là cổ đông của phòng công chứng phải tuân thủ theo những quy định trình bày ở phần trên. Ngoài ra, hoạt động của họ còn phải chịu sự điều chỉnh của một số quy tắc đặc biệt..Ví dụ : mọi cổ đông bị cấm hành nghề từ 3 tháng trở lên đều có thể bị buộc phải ra khỏi công ty (văn phòng công chứng). Việc buộc một cổ đông ra khỏi công ty phải được toàn bộ các cổ đông khác biểu quyết tán thành. Trong trường hợp một công chứng viên-cổ đông bị cấm hành nghề tạm thời hoặc bị bãi miễn thì các cổ đông khác hoàn toàn có quyền quản lý văn phòng của công chứng viên đó. Cuối cùng, nếu toàn bộ các cổ đông đều bị bãi miễn thì công ty buộc phải giải thể.

Hội đồng công chứng viên cấp tỉnh có thẩm quyền kỷ luật đối với các công chứng viên đã nghỉ hưu. Công chứng viên đã nghỉ hưu cũng có thể bị áp dụng các hình thức chế tài giống như công chứng viên đang đương nhiệm, trừ hình thức cấm hành nghề và hình thức bãi miễn.

Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ tư pháp có quyền quyết định áp dụng biện pháp chế tài đặc biệt, đó là tước bỏ chức danh công chứng viên danh dự (chức danh dành cho các công chứng viên đã về hưu). Quyết định loại này có thể được đưa ra trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng công chứng cấp tỉnh và của tòa án.

Các sinh viên ngành công chứng, còn gọi là công chứng viên tập sự, do trung tâm đào tạo quản lý. Trong trường hợp công chứng viên tập sự có sai phạm nghiêm trọng thì ban lãnh đạo của trung tâm đào tạo có thể quyết định xoá tên công chứng viên tập sự.

### **Chế độ kỷ luật đối với các tổ chức nghề nghiệp**



Các tổ chức nghề nghiệp, cũng như các hội đồng công chứng viên cấp tỉnh, cấp vùng và hội đồng công chứng viên tối cao đều có thể tạm thời bị cấm hoạt động hoặc bị giải tán.

Các biện pháp kỷ luật này phải do Bộ trưởng Bộ tư pháp quyết định. Quyết định kỷ luật đối với Hội đồng công chứng viên tối cao có thể được đưa ra trên cơ sở đề nghị của một phân tòa trong Tòa án tư pháp tối cao. Trong trường hợp kỷ luật đối với hội đồng công chứng viên cấp tỉnh và cấp vùng thì Bộ trưởng Bộ tư pháp ra quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thẩm phán tòa phá án có thẩm quyền.

Khi bị kỷ luật, các tổ chức nghề nghiệp nói trên có thể khiếu nại lên Tòa án hành chính tối cao (Tham chính viện).

Việc đình chỉ hoạt động của tổ chức nghề nghiệp không được vượt quá sáu tháng. Trong trường hợp giải tán thì trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ ngày giải thể, phải thành lập tổ chức mới.

Trong trường hợp Hội đồng công chứng viên tối cao bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán thì một phân tòa trong Tòa án hành chính tối cao sẽ tạm thời thay thế Hội đồng trong thời gian chờ thành lập Hội đồng mới.

Nếu Hội đồng công chứng viên cấp vùng bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán thì chức năng, thẩm quyền của hội đồng này được giao cho một phân tòa của tòa phúc thẩm tạm thời đảm nhiệm. Nếu là Hội đồng công chứng viên cấp tỉnh bị đình chỉ hoặc giải tán thì chức năng, thẩm quyền của hội đồng đó sẽ được chuyển cho hai phân tòa quan trọng nhất của tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng tạm thời đảm nhiệm.

Tòa án tối cao và các tòa án khác có thể chỉ định một hoặc nhiều công chứng viên đương nhiệm hoặc công chứng viên danh dự để thực hiện các quyết định.

### **III. Trách nhiệm dân sự của công chứng viên**

Trách nhiệm dân sự của công chứng viên có hai mặt. Mặt thứ nhất là trách nhiệm dân sự cá nhân của công chứng viên. Trách nhiệm dân sự cá nhân của công chứng viên được đảm bảo thực hiện bằng nguồn bảo hiểm và tài sản cá nhân.

Ngoài ra còn có bảo hiểm tập thể cho trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên theo quy định của Luật ngày 25 tháng 1 năm 1934.

### **A. Trách nhiệm dân sự cá nhân của công chứng viên**

Chế độ trách nhiệm dân sự cá nhân của công chứng viên được xác lập trên cơ sở quy định tại điều 1382 Bộ luật dân sự Pháp, theo đó : Bất cứ hành vi nào của một người mà gây thiệt hại cho người khác, thì người đã gây ra thiệt hại do lỗi của mình phải bồi thường thiệt hại.

Trong thế kỷ 20 vừa qua, án lệ đã có một số thay đổi liên quan đến trách nhiệm dân sự của công chứng viên. Khuynh hướng là tăng cường trách nhiệm của công chứng viên. Sự thay đổi này dựa trên ba ý tưởng cơ bản : nghĩa vụ tư vấn, khái niệm uỷ quyền và khái niệm quản lý, xử lý công việc. Đối với khách hàng, công chứng viên có trách nhiệm thực hiện tốt công việc (giao dịch) mà khách hàng đã giao phó. Như vậy là công chứng viên phải có trách nhiệm nếu có rủi ro. Bên cạnh loại trách nhiệm đối với rủi ro này là trách nhiệm đối với việc làm sai (trong trường hợp có sai sót từ phía công chứng viên thì khách hàng phải chứng minh được việc làm sai đó). Nghĩa vụ về phương tiện (tức là phải cung cấp, sử dụng mọi biện pháp, phương tiện cần thiết) như vậy đã được thay thế bằng nghĩa vụ về kết quả (tức là phải đạt được kết quả). Điều này dẫn đến một số hệ quả nhất định.

Một mặt, công chứng viên phải cung cấp được cho khách hàng của mình một văn bản có giá trị pháp lý nhưng đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm nếu như mục đích mà khách hàng theo đuổi không được thực hiện.

Mặt khác, một loạt những suy đoán có tội đã được tạo ra để áp dụng đối với công chứng viên : tòa án thường suy đoán rằng việc không đạt được mục đích của văn bản là bằng chứng cho sai sót của công chứng viên. Quan điểm này tạo thuận lợi cho khách hàng trong việc kiện công chứng viên khi họ cho rằng công chứng viên đã gây thiệt hại cho họ. Tuy nhiên, quan điểm này đi ngược lại một nguyên tắc lớn của pháp luật Pháp về vấn đề trách nhiệm dân sự : bằng chứng về sai sót phải do bên bị hại chứng minh.

#### **1. Căn cứ giảm và miễn trách nhiệm cá nhân của công chứng viên.**

Khi một người nào đó bị thiệt hại trong một giao dịch pháp lý thì người ta thường xét đến trách nhiệm cá nhân của công chứng viên, ngay cả khi lỗi của công chứng viên không phải là nguyên nhân duy nhất gây ra thiệt hại, thậm chí là khi không xác định được lỗi của công chứng viên. Trong trường hợp thứ nhất, trách nhiệm của công chứng viên được giảm đi. Trong trường hợp thứ hai, công chứng viên được miễn trách nhiệm.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn xét xử, có năm căn cứ để xét giảm hoặc miễn trách nhiệm cá nhân của công chứng viên.

Căn cứ giảm trách nhiệm thứ nhất là trình độ pháp luật của khách hàng. Thông thường, nếu khách hàng càng được thông báo đầy đủ về các vấn đề pháp lý đặt ra đối với giao dịch mà khách hàng muốn thực hiện thì tòa án càng nhẹ tay hơn đối với công chứng viên. Tuy nhiên, cách giải quyết này của tòa án hiện đang bị chỉ trích bởi vì người ta khẳng định rằng nghĩa vụ tư vấn của công chứng viên là nghĩa vụ tuyệt đối.

Ngày nay, sai sót của khách hàng chỉ có thể là căn cứ để xét giảm trách nhiệm cho công chứng viên chứ không còn là căn cứ để miễn trách nhiệm cho công chứng viên.

Căn cứ giảm trách nhiệm thứ hai là việc khách hàng có được hay không được một người khác có chuyên môn giúp đỡ. Quan điểm này hiện nay cũng đang bị xét lại với lý do rằng trách nhiệm tư vấn của công chứng viên là tuyệt đối. Thực tiễn xét xử cho thấy công chứng viên bắt buộc phải lưu giữ lại những lời tư vấn của mình, ngay cả khi khách hàng được một người tư vấn khác có chuyên môn giúp đỡ.

Căn cứ thứ ba để xét giảm trách nhiệm là mức độ tham gia của công chứng viên vào việc lập văn bản. Trong một quyết định ký ngày 5 tháng 4 năm 1965, Tòa tư pháp tối cao đã khẳng định : Mức độ, tính chất tư vấn phải được đánh giá tùy thuộc vào việc công chứng viên đã trực tiếp tham gia thương lượng, soạn thảo các điều khoản của hợp đồng hay chỉ can thiệp để tạo cho hợp đồng đã ký sẵn giá trị của một công chứng thư. Nguyên tắc này thường được áp dụng trong trường hợp có nhiều công chứng viên cùng tham gia vào việc lập văn bản. Tòa

án đánh giá trách nhiệm của từng công chứng viên tùy thuộc vào khách hàng mà công chứng viên là đại diện.

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, công chứng viên có nghĩa vụ phải giải thích cho khách hàng về mức độ, phạm vi các cam kết của mình.

Căn cứ giảm trách nhiệm thứ tư là việc công chứng viên không được khách hàng cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết. Trong trường hợp này, trách nhiệm cá nhân của công chứng viên chắc chắn sẽ được xét giảm. Tuy nhiên, nếu thiệt hại gây ra hoàn toàn do lỗi của khách hàng hoặc của bên thứ ba thì công chứng viên được miễn trách nhiệm dân sự cá nhân.

Cuối cùng, người ta cũng có thể căn cứ vào những mâu thuẫn có thể có giữa quy định lý thuyết của pháp luật với thực tiễn giải thích của tòa án đối với một vấn đề pháp lý mà công chứng viên phải giải quyết. Trong tình huống này, thông thường công chứng viên không hoàn toàn được giải phóng trách nhiệm nếu như sau đó tòa án đưa ra phán quyết ngược lại với giải pháp mà công chứng viên đã lựa chọn.

Công chứng viên phải cảnh báo trước cho khách hàng của mình về những khó khăn và rủi ro mà họ có thể gặp phải. Bên cạnh đó, công chứng viên phải giữ được bằng chứng về việc đã cảnh báo trước cho khách hàng. Việc làm này là đặc biệt quan trọng trong trường hợp khách hàng thoả thuận xác lập giao dịch không theo tư vấn của công chứng viên. Trong mọi trường hợp, những cảnh báo của công chứng viên phải có lý do rõ ràng. Việc khách hàng thừa nhận rằng công chứng viên đã cảnh báo cho họ chỉ nhằm mục đích là xác lập bằng chứng về việc công chứng viên đã hoàn thành nghĩa vụ tư vấn của mình, chứ không phải là căn cứ để giải phóng trách nhiệm cho công chứng viên.

## 2. Khiếu kiện về trách nhiệm của công chứng viên

Thời hạn khiếu kiện về trách nhiệm của công chứng viên là 10 năm.

Đối tượng của khiếu kiện là công chứng viên có sai phạm. Tuy nhiên, nguyên tắc này sẽ ít nhiều bị thay đổi trong trường hợp công chứng viên có sai phạm là cổ đông trong một công ty-phòng công chứng.

Trong trường hợp này, mỗi cổ đông phải thông báo cho các cổ đông khác về hoạt động của mình, bởi vì hệ quả của việc khiếu kiện sẽ liên quan không chỉ với công chứng viên có sai phạm mà còn với tất cả các cổ đông khác. Thật vậy, khách hàng có thể kiện cá nhân công chứng viên đó hoặc kiện toàn bộ công ty trong đó công chứng viên làm việc. Nếu như công chứng viên và công ty mắc lỗi thì tất cả các cổ đông khác cũng phải tham gia bồi thường thiệt hại cho khách hàng, kể cả là bằng tài sản riêng của mỗi người. Đương nhiên là sau khi bồi thường cho khách hàng, các cổ đông đó có thể yêu cầu công chứng viên có sai phạm hoặc yêu cầu công ty hoàn trả lại cho họ phần bồi thường mà họ đã trả.

Để quy kết trách nhiệm của công chứng viên, cần phải hội đủ ba điều kiện.

Điều kiện thứ nhất là phải xác định được lỗi của công chứng viên. Tòa án cho rằng nếu công chứng viên nào không hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc nghĩa vụ hợp đồng của mình thì công chứng viên đó đã phạm lỗi. Việc không chứng minh không thực hiện tốt nghĩa vụ tư vấn của mình cũng là một lỗi. Công chứng viên phải chịu trách nhiệm về mọi sai phạm của mình, dù ở mức nhẹ nhất. Lỗi có thể là lỗi do hành động : lỗi là kết quả của một hành vi hành động. Bên cạnh đó còn có lỗi do không hành động: phạm lỗi vì hành vi không hành động. Ngoài ra cũng cần phân biệt rõ lỗi cố ý với lỗi không cố ý. Lỗi không cố ý là lỗi do sai sót vô tình. Lỗi cố ý tức là công chứng viên hành động một cách cố ý thức với mục đích gây ra thiệt hại. Lỗi cố ý không được bảo hiểm.

Điều kiện thứ hai là phải có thiệt hại thực tế. Người phải chịu thiệt hại này phải là khách hàng của công chứng viên bị kiện bởi vì theo quy định của pháp luật thì người khởi kiện phải có lợi ích liên quan.

Điều kiện thứ ba là phải xác lập được mối liên hệ nhân quả giữa lỗi và thiệt hại. Thiệt hại phải do lỗi của công chứng viên gây ra.

Tất cả các công chứng viên đều bắt buộc phải đóng bảo hiểm trách nhiệm dân sự cá nhân. Tuy nhiên, công chứng viên phải tự trả ít nhất là 1/10 thiệt hại trên cơ sở mức trần là 7.700 euro; phần còn lại do bên bảo hiểm trả.

Khi áp dụng các hợp đồng bảo hiểm, giữa giới công chứng viên với các công ty bảo hiểm đã nảy sinh một số vấn đề xung quanh hai khái niệm lỗi không cố ý và

lỗi cố ý. Trước kia, các công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm đối với cả hai loại lỗi này. Nhưng điều đó là bất bình đẳng. Trong thực tế, chỉ những lỗi cố ý mới có thể không được bảo hiểm. Đó là những lỗi mà công chứng viên phạm phải mặc dù biết rằng làm như vậy là gây thiệt hại cho khách hàng.

Ngoài ra, các công ty bảo hiểm không nhận bảo hiểm đối với các trường hợp tiền vay của khách hàng (của công chứng viên) cao hơn giá trị tài sản cầm cố. Tương tự như vậy, công chứng viên không thể thương lượng các hợp đồng vay không có bảo đảm ngân hàng. Việc tiếp nhận tiền gửi của khách hàng có kèm theo lãi suất ngoài khuôn khổ của một văn bản công chứng cũng không được bảo hiểm. Một số loại bảo hiểm khác đảm bảo cho công chứng viên trước nguy cơ thanh toán giá trị hợp đồng mua bán tài sản khi chưa thực hiện xong thủ tục công bố.

### 3. Căn cứ xác định trách nhiệm của công chứng viên

Căn cứ xác định trách nhiệm của công chứng viên có thể được xếp thành năm tập hợp chính.

Tập hợp thứ nhất bao gồm các căn cứ xác định trách nhiệm của công chứng viên với tư cách là cộng lại. Công chứng viên phải chịu trách nhiệm về những sai phạm về mặt hình thức của văn bản, ví dụ như : thiếu chữ ký, thiếu nhân chứng trong những trường hợp cần nhân chứng, văn bản không tuân thủ các quy tắc về cách dòng

v.v...Nếu công chứng viên quên không yêu cầu các bên ký tên vào văn bản hoặc không ký tên mình vào văn bản thì phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc không ký tên đó gây ra.

Công chứng viên cũng phải chịu trách nhiệm nếu như không kiểm tra nhân thân và năng lực của các bên hoặc tính hợp pháp của việc uỷ quyền (nếu có). Công chứng viên phải chịu trách nhiệm về việc lưu giữ các văn bản gốc và việc cấp các bản sao hoặc bản trích lục.

Tập hợp thứ hai bao gồm các căn cứ xác định trách nhiệm của công chứng viên với tư cách là người tư vấn cho các bên. Để hoàn thành nghĩa vụ tư vấn trong

lĩnh vực dân sự cũng như trong lĩnh vực thuế, công chứng viên có trách nhiệm phải nghiên cứu, xem xét một số vấn đề, đặc biệt là các điều kiện cần thiết quyết định giá trị pháp lý và hiệu lực của văn bản. Để làm điều này, công chứng viên phải kiểm tra lời khai của các bên.

Ví dụ như trong lĩnh vực mua bán bất động sản, phải kiểm tra những vấn đề sau: nội dung và thông tin xác định tài sản được bán, quyền sở hữu của người bán, các quyền sử dụng bất động sản liên hệ đối với tài sản bán, bất động sản có được cho thuê hay thế chấp không. Tòa tư pháp tối cao của Pháp đã từng kết tội một công chứng viên vì đã không tìm hiểu về tình trạng thế chấp của bất động sản trước khi ký tên vào hợp đồng mua bán bất động sản đó.

Tập hợp căn cứ thứ ba bao gồm các căn cứ xác định trách nhiệm của công chứng viên với tư cách là người được các bên uỷ quyền. Khi tiếp nhận một văn bản hay khi chấp nhận soạn một văn bản, công chứng viên phải đảm bảo được hiệu lực pháp lý tuyệt đối của văn bản đó. Công chứng viên phải thay mặt khách hàng thanh toán mọi khoản lệ phí đăng ký văn bản, tiến hành các thủ tục công bố công khai văn bản theo quy định của pháp luật. Công chứng viên còn có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký kinh doanh của khách hàng là doanh nghiệp.

Đương nhiên, trong trường hợp công chứng viên mắc lỗi và bị khiếu kiện, khách hàng phải đưa ra chứng cứ về việc đã uỷ quyền cho công chứng viên.

Tập hợp căn cứ thứ tư là các căn cứ xác định trách nhiệm của công chứng viên xuất phát từ hành vi của thư ký công chứng viên và nhân viên phòng công chứng.

Công chứng viên phải chịu trách nhiệm về những lỗi do thư ký của mình gây ra, với điều kiện xác định được mối liên hệ giữa lỗi của thư ký công chứng viên với chức năng, nhiệm vụ của phòng công chứng. Nếu thư ký công chứng viên phạm lỗi ngoài giới hạn chức năng, nhiệm vụ của mình thì về nguyên tắc, công chứng viên không phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, khái niệm lạm dụng chức năng, nhiệm vụ thường được các tòa án giải thích theo nghĩa rất hẹp.

Trong trường hợp thư ký công chứng viên hành động trên cơ sở có sự uỷ quyền của khách hàng mà phạm lỗi thì công chứng viên cũng phải chịu trách nhiệm.

Tập hợp cuối cùng là toàn bộ các căn cứ khác. Trách nhiệm của công chứng viên cũng có thể được xác định trên cơ sở xem xét đến hành vi của công chứng viên với tư cách là công chứng viên giúp việc, người quản lý hay lãnh đạo của phòng công chứng, công chứng viên thay thế, công chứng viên thanh tra kế toán, người làm công tác tổ chức các cuộc bán đấu giá v.v...

## **B. Bảo đảm ngành đối với trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên**

Việc ngành công chứng nói chung phải đứng ra bảo đảm cho trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên đã được quy định trong luật, nhằm đảm bảo an toàn cho khách hàng. Theo quy định của pháp luật, toàn bộ ngành công chứng phải đảm bảo đền bù thiệt hại cho khách hàng trong trường hợp cần thiết.

### **1. Phạm vi bảo đảm của ngành**

Phạm vi bảo đảm của ngành được quy định tại Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1955. Ngành công chứng có trách nhiệm phải bảo đảm việc hoàn trả tiền, tài sản hoặc giấy tờ có giá trị thanh toán mà công chứng viên đã nhận của khách hàng trong quá trình lập văn bản hoặc thực hiện những công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của mình. Phạm vi bảo đảm của ngành là toàn bộ các khoản phạt tiền xuất phát từ trách nhiệm dân sự của công chứng viên do lỗi, sai phạm, nhằm lẫn hoặc hành vi khác của công chứng viên hoặc của nhân viên của công chứng viên trong quá trình thực hiện bình thường các chức năng, nhiệm vụ của mình. Mức trần bảo đảm ngành được ấn định là 7.700.000 euro. Quy định trên đây đã gây rất khó khăn cho việc giải thích và trong nhiều trường hợp đã phải nhờ vào sự đánh giá của tòa án. Thật vậy, cần phải hiểu thế nào là trong quá trình thực hiện bình thường các chức năng, nhiệm vụ của mình?

Khi lập một hợp đồng mua bán, công chứng viên nhận của khách hàng (người mua) một khoản tiền gửi. Giả sử như công chứng viên sử dụng sai mục đích số tiền đó và bị tòa án buộc phải hoàn trả lại tiền cho khách hàng thì ngành công chứng phải đứng ra hoàn trả thay nếu như công chứng viên đã bị phá sản. Ngược lại, nếu công chứng viên nhận của khách hàng một khoản tiền không có mục đích cụ thể và sử dụng tiền lãi vào mục đích cá nhân thì có nghĩa là công chứng viên đã thực hiện một hoạt động tín dụng không được pháp luật cho phép. Sự



bảo đảm của ngành sẽ không được áp dụng đối với trường hợp này. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các tòa án có khuynh hướng cân nhắc đến sự ngay tình của khách hàng để buộc áp dụng chế độ bảo đảm của ngành. Tòa án tư pháp tối cao (Tòa phỏ ỏn) thậm chí còn đòi hỏi phải có bằng chứng về sự thiếu ngay tình của khách hàng nếu như ngành công chứng không muốn thực hiện bảo đảm. Tuy nhiên, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ngành sẽ không bảo đảm đền bù trong trường hợp khách hàng chủ định đồng ý với những giao dịch tài chính mà công chứng viên thực hiện ngoài khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của mình.

Ngược lại, phần chênh lệch giữa khoản vay và giá trị tài sản cầm cố<sup>2</sup> không được hưởng bảo đảm ngành. Tuy nhiên, các tòa án thường cho rằng trong những trường hợp nghiêm trọng nhất, rủi ro xảy ra là do công chứng viên đã không thực hiện tốt nghĩa vụ tư vấn của mình, do đó thiệt hại có thể được ngành công chứng đảm bảo thanh toán. Các khiếu kiện liên quan đến phí, lệ phí và thù lao công chứng viên cũng không nằm trong phạm vi bảo đảm của ngành.

Thực tiễn xét xử đi theo chiều hướng một quan niệm chủ quan. Tòa án không chỉ xem xét đến hoàn cảnh của vụ việc mà còn cân nhắc đến nhân cách, mức độ ngay tình cũng như hoàn cảnh kinh tế và thực trạng tinh thần của người khiếu kiện.

## 2. Tổ chức cơ chế bảo đảm của ngành

Pháp luật Pháp đã thiết lập ra các quỹ bảo đảm cấp vùng và một quỹ bảo đảm quốc gia.

Trong phạm vi quản hạt của mỗi thỏa phúc thẩm đều có một quỹ bảo đảm cấp vùng. Hội đồng quản trị của quỹ bảo đảm do Chủ tịch hội đồng vùng làm chủ tịch.

Nguồn thu chủ yếu của quỹ bảo đảm là đóng góp hàng năm của các công chứng viên. Mức đóng góp hàng năm được xác định trên cơ sở mức thu nhập trung

---

<sup>2</sup> Khi muốn vay một khoản tiền, khách hàng đem cầm cố một tài sản nào đó. Hợp đồng vay phải do công chứng viên lập. Nếu công chứng viên lập hợp đồng để khách hàng vay một khoản tiền lớn hơn giá trị tài sản cầm cố thì trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, công chứng viên phải chịu trách nhiệm cá nhân về phần chênh lệch giữa khoản vay và giá trị tài sản cầm cố.

bình của mỗi phòng công chứng trong hai năm trước đó. Những phòng công chứng có thu nhập thấp có thể được miễn đóng góp. Mức đóng góp có thể tăng thêm 1% đối với một số quỹ vùng. Việc tăng mức đóng góp là một hình phạt được áp dụng đối với những quỹ nào đã chi gấp 2 lần so với mức chi bình quân của tất cả các quỹ vùng trong cùng một năm.

Vào năm 1971, mức đóng góp cố định đã được thay thế bằng mức đóng góp biến đổi. Mức đóng góp này được xác định từng năm một, trên cơ sở có dự trù đến những khoản chi trong tương lai. Điều này cho phép tránh được tình trạng phải kêu gọi các công chứng viên nộp thêm tiền khi các quỹ không còn đủ vốn để trả cho các khoản bồi thường.

Tuy nhiên, nguy cơ tài chính vẫn là rất lớn. Do đó, các quỹ vùng đã phải mua bảo hiểm của công ty Mutuelles du Mans, phí bảo hiểm do công chứng viên nộp.

Quỹ bảo đảm quốc gia do Hội đồng công chứng viên tối cao quản lý. Quỹ có tư cách pháp nhân và có trụ sở tại Paris.

Vai trò thứ nhất của Quỹ bảo đảm quốc gia là vai trò phân phối. Bốn phần tư các khoản đóng góp hàng năm mà các quỹ vùng thu được đều được chuyển về Quỹ quốc gia. Ngoài ra, Quỹ quốc gia còn thu của mỗi công chứng viên khi mới vào ngành một khoản đóng góp tương đương 1% mức thu nhập trước thuế trung bình của phòng công chứng mà công chứng viên đó mua lại. Khoản đóng góp này sẽ được trả lại cho công chứng viên khi nghỉ hưu. Các công ty có phòng công chứng cũng có nghĩa vụ đóng góp tương tự như vậy, tiền đóng góp sẽ được trả lại khi công ty chấm dứt hoạt động. Khi phải chi trả, đền bù thiệt hại cho khách hàng, các quỹ vùng sẽ xin tiền từ Quỹ quốc gia. Quỹ quốc gia sẽ chuyển cho quỹ vùng khoản tiền yêu cầu, khoản tiền đó chỉ phải thanh toán lại cho Quỹ quốc gia trong những trường hợp quỹ vùng thu lại được phần đền bù từ phía công chứng viên.

Quỹ bảo đảm quốc gia còn có vai trò phối hợp hoạt động. Quỹ quốc gia luôn sẵn sàng hỗ trợ các quỹ vùng gặp khó khăn, giúp quỹ vùng giải quyết mọi vấn đề đặt ra.

### 3. Thực hiện hoạt động bảo đảm của ngành

Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1955 quy định : “ Nếu trong thời hạn 1 tháng kể từ khi công chứng viên nhận được giấy đòi nợ của khách hàng mà vẫn không thực hiện đền bù thiệt hại cho khách hàng thì Quỹ bảo đảm của ngành sẽ thực hiện việc đền bù đó ằ.

Phần bảo đảm của ngành do các quỹ vùng chi trả. Khách hàng (chủ nợ) không có trách nhiệm phải thực hiện mọi biện pháp đòi nợ đối với công chứng viên trước khi được quỹ bảo đảm thanh toán, mà chỉ cần chứng minh được rằng khoản nợ đã đến hạn và rằng công chứng viên đã không trả nợ cho mình trong thời hạn quy định. Để chứng minh rằng công chứng viên không trả nợ, chủ nợ chỉ cần đưa ra giấy chứng nhận rằng công chứng viên đã tiếp nhận giấy đòi nợ. Thời hiệu đòi nợ đối với quỹ bảo đảm ngành là 2 năm.

Nhờ vào những nỗ lực của ngành công chứng và nhờ có sự quản lý các hồ sơ vụ việc tốt hơn nên chi phí tài chính cho hoạt động bảo đảm ngành đã giảm đi rất nhiều. Vào năm 1972, chi phí đó chiếm 2,1% tổng số tiền đóng góp của công chứng viên. Con số này giảm xuống còn 1% vào năm 1980 và 0,41% năm 2000. Đến năm 2002, chi phí đó chỉ còn chiếm 0,27%.

Phần đóng góp phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự từ lâu ổn định ở mức 1%, nhưng đã tăng lên đến 1,4% vào năm 2000.

Số lượng hồ sơ kiện đòi bồi thường thiệt hại đã gia tăng một cách đáng kể : 3.800 vụ năm 1996 so với 2.500 vụ năm 1989 và 1.500 vụ năm 1981. Tuy nhiên, tỷ lệ số vụ đòi bồi thường so với số lượng các văn bản công chứng được lập là rất thấp : 0,09% (so với 33% tại các nước common law). Con số này còn thấp hơn nữa nếu chỉ tính đến những vụ kiện thực sự có căn cứ.



**SOURCE:** Tài liệu tại Lớp bồi dưỡng Công chứng viên.  
Nhà Pháp luật Việt – Pháp. Tp.HCM, ngày 27/11/2010  
*Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt – Pháp.*